

Bản án số: 96/2017/HSPT

Ngày: 21-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.
2. Ông Dương Thế Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 20 và 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2017/HSPT ngày 29/6/2017 đối với bị cáo Kha Thị M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Kha Thị M, tên gọi khác: M; sinh năm 1992 tại xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT: thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: 186910***; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; con ông Kha Văn T, sinh năm 1969 và bà Lương Thị L (tức I), sinh năm 1968; có chồng Hoàng Văn H, sinh năm 1994 và có 2 con (con lớn sinh năm 2011, con bé sinh ngày 02/01/2016); tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**** Những người tham gia tố tụng:***

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hà Thị T, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Trú quán: thôn N, xã H, huyện L, Bắc Giang.

2. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1985.(có mặt)

Trú quán: thôn N, xã H, huyện L, Bắc Giang.

3. Anh Đoàn Ngọc G, sinh năm 1991.(vắng mặt)

Trú quán: tổ dân phố C 1, thị trấn L, huyện L, Bắc Giang.

4. Ông Hà Văn C, sinh năm 1967. (có mặt)

Trú quán: Thôn H, xã X, huyện L, Bắc Giang.

5. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1994.(vắng mặt)

Trú quán: thôn N, xã H, huyện L, Bắc Giang.

- ***Luật sư bào chữa cho bị cáo:***

Ông Đường Văn Q và ông Nguyễn Văn C là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH một thành viên Đ- Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

(Ông Q có mặt, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 20/KSĐT ngày 12/3/2017 của VKSND huyện L và bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 22/5/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Thời gian khoảng cuối năm 2014, bị cáo M thường xuyên đi tới nhà người yêu là anh Hoàng Văn H, trú tại thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang chơi. Trong thời gian này, bị cáo có quen biết với chị Hà Thị T là chị dâu con nhà bác ruột anh H và ở cùng thôn với anh H. Thỉnh thoảng M có sang nhà chị T chơi và có nói chuyện với chị T về việc trước đây M thường sang Trung Quốc làm thuê, do thấy chị T đang làm nghề may ở nhà nên M nói với chị T với tay nghề làm may của chị T nếu mà làm ở Công ty của Trung Quốc thì lương tháng được khoảng 07 triệu đồng/tháng. Chị T có hỏi M chi phí đi sang Trung Quốc thế nào, M nói chi phí đi mất khoảng 4 đến 5 triệu đồng, tùy từng thời điểm, đi bằng hình thức vượt biên, không phải làm giấy tờ thủ tục gì, khi muốn về sẽ có người đưa về và M rủ chị T sang Trung Quốc làm thuê. Chị T nhất trí, khi M rủ chị T đi sang Trung Quốc làm thuê có anh Hoàng Văn Đ là chồng của chị T cũng được biết và cũng đồng ý cho chị T đi cùng M sang Trung Quốc để làm thuê. Sau đó, M liên lạc với một người tên V (cùng quê Nghệ An với M) hiện đang làm ở một Công ty bên Trung Quốc hỏi V có việc làm không để M đưa người sang làm, V bảo M cứ đưa người sang và cho M số điện thoại của một người đưa biên. Ngày 30/3/2015 M sang nhà chị T bảo chị T ngày hôm sau gặp nhau ở cây xăng ngã tư đường cao tốc thuộc xã Đình Kế, thành phố Bắc Giang để đi sang Trung Quốc, M bảo hẹn nhau ở đó vì sợ M và T đi cùng nhau thì bố mẹ anh H biết sẽ không cho đi. Theo đúng hẹn, khoảng 13 giờ ngày 31/3/2015 chị T bắt xe buýt đến ngã tư cây xăng đường cao tốc thành phố Bắc Giang gặp M. Sau khi gặp M, chị T đưa cho M số tiền 3.000.000 đồng là tiền chi phí để M đưa chị T sang Trung Quốc và bảo với M nếu thiếu sẽ đưa sau. M cầm

tiền rồi đón xe ô tô bảo chị T lên xe đi Hà Nội, chị T có hỏi M sao lại bắt xe đi Hà Nội thì M nói lên đó rồi bắt xe vào thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để gửi quà về cho gia đình M. Sau khi về đến thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, M thuê phòng rồi cùng chị T nghỉ tại thành phố Vinh. Ngày hôm sau M cùng chị T đón xe ô tô đi Móng Cái, Quảng Ninh (quá trình đi từ thành phố Bắc Giang vào thành phố Vinh và đến Móng Cái, Quảng Ninh mọi chi phí nhà nghỉ, tiền xe, ăn uống đều do M trả). Đến bến xe Móng Cái, M gọi điện thoại cho người đưa biên và được người này ra đón đưa M và chị T vượt biên trái phép sang Trung Quốc bằng đường sông. Khi sang đến đất Trung Quốc có người đến đón rồi bắt xe đưa M và chị T đến một nhà trọ ở tỉnh Quảng Xi, Trung Quốc. Tại đây M đã trả tiền đưa qua biên và tiền nhà trọ cho chủ nhà trọ và còn nhờ bà chủ mua hộ mua sim điện thoại, mua vé xe để đi đến tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Đến buổi sáng hôm sau, M và T đón xe đi tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc để gặp V. Khi đến tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc, M điện thoại cho V nhưng V nói đang bận không ra đón được mà nhờ một người phụ nữ cũng tên V (V béo) ra đón đưa về nhà V béo ở. M và chị T ở nhà V béo khoảng 5 đến 6 ngày để chờ đi làm nhưng không có việc, sau đó M phát hiện mình có thai nên M đã quay về Việt Nam, còn chị T ở lại Trung Quốc. Sau khi chị T đi cùng M sang Trung Quốc được khoảng 01 tháng, anh Đ nhận được điện thoại của chị T nói đang làm ở một Công ty bên Trung Quốc và được chị T gửi về cho số tiền là 30.000.000 đồng. Đến tháng 8/2015 anh Đ nhận được tin nhắn của chị T liên lạc qua mạng điện thoại Zalo nói lại việc chị đã bị M đưa sang Trung Quốc rồi bán cho một người đàn ông Trung Quốc làm vợ, chị T bảo anh Đ tìm cách đưa chị T về, đồng thời chụp chứng minh nhân dân của người chồng Trung Quốc gửi qua mạng Zalo cho anh Đ. Sau khi nhận được tin, anh Đ đã bảo M tìm cách đưa chị T về, M bảo anh Đ đưa cho M 02 lần tổng số tiền 29.000.000 đồng để nhờ người đưa chị T về, anh Đ đã đưa cho M đủ số tiền trên. Sau khi nhận tiền M đã nhờ người đưa chị T về được gần tới biên giới nhưng đã bị người nhà chồng Trung Quốc bắt lại. M thông báo cho anh Đ biết, anh Đ tiếp tục nhờ M tìm cách đưa chị T về. Sau đó M đã liên lạc với một người tên M1, hiện đang lấy chồng bên Trung Quốc nhờ M đưa chị T về, M đã cho anh Đ số điện thoại của M1 để anh Đ định trực tiếp liên lạc với M1. Sau đó, anh Đ đã đi đến tỉnh Lào Cai gặp M1, sau khi thỏa thuận anh Đ sẽ phải trả cho M1 số tiền là 70.000.000 đồng để nhờ M1 đưa chị T về Việt Nam. Anh Đ đã đưa trước cho M1 số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi đón được chị T về sẽ trả nốt. Tuy nhiên, sau khi đưa tiền cho M1 xong, anh Đ không liên lạc được với M1 nữa. Sau đó anh Đ đã nhờ anh Đoàn Ngọc G, đi sang Trung Quốc đón chị T về Việt Nam với số tiền chi phí là 70.000.000 đồng. Anh G đã theo địa chỉ theo giấy chứng minh nhân dân người chồng Trung Quốc của chị T và đã đón được chị T về Việt Nam. Sau khi trở về Việt Nam chị T đã làm đơn tố cáo Kha Thị M đã có hành vi đưa chị sang Trung Quốc và bán chị cho người khác. Quá trình điều tra Kha Thị

M không thừa nhận được bán chị T nên không có căn cứ để xử lý đối với Kha Thị M về hành vi Mua bán người.

Tại Cáo trạng số 20/KSĐT ngày 12/03/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Kha Thị M, về tội "*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*" theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 22/5/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Kha Thị M phạm tội "*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*".

Áp dụng khoản 1, Điều 275; điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33- Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 27/6/2016 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7; khoản 1, Điều 349- Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử: Phạt bị cáo Kha Thị M 01(một) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42- Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 584; Điều 586- Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Kha Thị M phải hoàn trả cho anh Hoàng Văn Đ, chị Hà Thị T số tiền là 27.000.000đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn giải quyết xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 31/5/2017 bị cáo Kha Thị M nộp đơn kháng cáo đến TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nội dung kháng cáo của bị cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bị cáo không phạm tội và không phải bồi thường dân sự cho anh Hoàng Văn Đ.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Kha Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng. Lý do: Bị cáo không rủ chị T đi sang Trung Quốc mà do chị T xin đi cùng bị cáo để làm công nhân. Anh Đ nhờ bị cáo tìm cách đưa chị T về, bị cáo nói phải nhờ người đưa mất chi phí. Sau đó anh Đ đồng ý và đưa tiền, bị cáo đã nhờ người đưa chị T về nhưng do gia đình chồng Trung Quốc phát hiện bắt giữ lại nên không thành. Do đó bị cáo không phải chịu trách nhiệm trả lại chi phí cho anh Đ, chị T.

- Anh Hoàng Văn Đ không đồng ý quan điểm của bị cáo khai tại phiên tòa.

- Ông Hà Văn C không có ý kiến gì về số tiền đã bỏ ra để đưa chị T về nước.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp cho TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được

coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm cho bị cáo. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 22/5/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Luật sư tranh luận: Đây là thực trạng chung ở địa bàn huyện L. Bị cáo không hiểu lộ trình từ Bắc Giang đi sang Trung Quốc mà chỉ biết đi từ Nghệ An sang Móng Cái, Quảng Ninh. Không có việc bị cáo dụ dỗ, ép buộc chị T mà là sự thỏa thuận cùng đi sang Trung Quốc làm ăn kinh tế. Việc này diễn ra công khai, không giấu diếm. Quá trình đi bị cáo không phải là người chủ động mà phải liên lạc nhờ người quen ở Trung Quốc giúp đỡ. Chị T có nguyện vọng đi Trung Quốc để làm kinh tế gia đình nên bị cáo không rủ thì chị cũng đi điều đó chứng tỏ bị cáo không dụ dỗ, cưỡng ép chị T phải đi Trung Quốc. Bị cáo không có mục đích kiếm lợi từ việc đưa chị T sang Trung Quốc. Gia đình chị T có nhiều thời gian để cân nhắc lựa chọn có đi Trung Quốc hay không nhưng vẫn lựa chọn đi. Chị T về nước rất lâu, do tiếc tiền chi phí nên mới kiện bị cáo đến cơ quan pháp luật mục đích để đòi tiền. Chị T đã bị xử lý hành chính về hành vi xuất nhập cảnh trái phép, tại sao không xử phạt bị cáo như vậy mà lại gán ghép tội cho bị cáo. Từ những nội dung trên khẳng định chưa đủ căn cứ để kết tội bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên hủy án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội. Xử lý hành chính bị cáo về hành vi xuất nhập cảnh trái phép. Bị cáo không phải bồi thường chi phí 27.000.000 đồng đưa chị T về nước do bị cáo đã thực hiện nhưng không được là ngoài ý muốn của bị cáo, do trở ngại khách quan đem lại.

- Bị cáo tranh luận: Bị cáo nhất trí quan điểm Luật sư. Nếu anh Đ không nhờ bị cáo đưa chị T đi Trung Quốc thì không có sự việc ngày hôm nay.

- Anh Đ tranh luận: Không nhất trí quan điểm của Luật sư, ngay hôm sau chị T về đã trình báo chính quyền địa phương về hành vi của bị cáo. Có sự rủ rờ của bị cáo thì chị T mới đồng ý đi Trung Quốc. Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát, không nhất trí quan điểm của bị cáo và Luật sư.

- Ông C tranh luận: Tôi không có ý kiến gì tranh luận, nhất trí ý kiến VKS.

Đại diện VKS đối đáp:

Đối với luật sư, bị cáo; Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm VKS đã chuyển thông tin cho cơ quan tố tụng có thẩm quyền để xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật. Về lịch trình đi bị cáo là người chủ động, nếu không có bị cáo thì chị T không sang được Trung Quốc. Việc bị cáo về quê mục đích để gửi đồ vì có thể sẽ đi lâu là có chủ ý từ trước. Bị cáo không có tư lợi là đúng nhưng trong cấu thành tội phạm này không có mục đích tư lợi. Diễn biến quá trình đi và ở Trung Quốc do bị cáo là người chủ động liên hệ, giao dịch. Có sự chia sẻ giữa bị cáo và chị T về tìm công ăn việc làm bên Trung Quốc nhưng để chị T sang được Trung Quốc thì bị cáo là người đã đi sang từ trước và biết được cách thức đi. Chị T có sự vi phạm đã bị xử phạt hành chính là đúng, còn hành vi của bị cáo đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên không bị xử lý hành chính là đúng. Trên cơ sở đó không chấp nhận quan điểm của Luật sư và bị cáo.

Luật sư bào chữa: Bị cáo có hai mục đích về quê là gửi đồ cho gia đình và tìm đường sang Trung Quốc. Đề nghị VKS làm rõ dấu hiệu phạm tội của bị cáo.

Đại diện VKS: Bị cáo chỉ cần lên kế hoạch, lịch trình cùng chị T đi sang Trung Quốc và liên hệ nhờ người đưa chị T qua biên giới là đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó không chấp nhận quan điểm của Luật sư, giữ nguyên quan điểm đã nêu.

Luật sư bào chữa: Bị cáo không phải là người đưa chị T qua biên giới mà là người đưa biên.

Đại diện VKS: Bị cáo có liên hệ và nhờ thì mới có người đưa biên đưa qua biên giới.

Anh Đ trình bày: tôi xin bổ sung là bị cáo còn phải dùng tiền để thuê người đưa biên, nếu không dùng tiền chi phí họ có đưa qua biên giới không, đề nghị HĐXX xem xét.

Kết thúc tranh luận các bên vẫn giữ nguyên quan điểm.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Kha Thị M được nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày

31/5/2017 theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quy định tại Điều 245- Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Xét hành vi phạm tội và kháng cáo kêu oan của bị cáo Kha Thị M thấy: Thời gian khoảng cuối năm 2014, bị cáo M thường xuyên đi tới nhà người yêu là anh Hoàng Văn H, trú tại thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang chơi. Trong thời gian này, M có quen biết với chị Hà Thị T, là chị dâu con nhà bác ruột anh H. Nhiều lần M có sang nhà chị T chơi và có nói chuyện với chị T về việc trước đây M thường sang Trung Quốc làm thuê, do thấy chị T đang làm nghề may ở nhà nên M nói với chị T với tay nghề làm may của chị T nếu mà làm ở Công ty của Trung Quốc thì lương tháng được khoảng 07 triệu đồng/tháng. Chị T có hỏi M chi phí đi sang Trung Quốc thế nào, M nói chi phí đi mất khoảng 4 đến 5 triệu đồng, tùy từng thời điểm, đi bằng hình thức vượt biên. Theo đúng hẹn chị T bắt xe buýt đến ngã tư cây xăng đường cao tốc thành phố Bắc Giang gặp M chị T đưa cho M số tiền 3.000.000 đồng là tiền chi phí để M đưa chị T sang Trung Quốc và bảo với M nếu thiếu sẽ đưa sau. Đến bến xe Móng Cái, M gọi điện thoại cho người đưa biên và được người này ra đón đưa M và chị T vượt biên trái phép sang Trung Quốc bằng đường sông. Khi sang đến đất Trung Quốc có người đến đón rồi bắt xe đưa M và chị T đến một nhà trọ ở tỉnh Quảng Xi, Trung Quốc. Tại đây M đã trả tiền đưa qua biên và tiền nhà trọ cho chủ nhà trọ và còn nhờ bà chủ mua hộ mua sim điện thoại, mua vé xe để đi đến tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Sau khi trở về Việt Nam chị T đã làm đơn tố cáo Kha Thị M đã có hành vi đưa chị sang Trung Quốc và bán chị cho người khác. Quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi bán chị T nên không có căn cứ để xử lý đối với bị cáo M về hành vi mua bán người. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc đưa người khác đi ra nước ngoài mà không trình báo với cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi đưa chị Hà Thị T vượt biên sang Trung Quốc để làm thuê, bất chấp hậu quả xảy ra.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu bị cáo không rủ rê, cưỡng ép chị T sang Trung Quốc mà do chị T thỏa thuận đi cùng để làm thuê. Bị cáo chỉ đưa chị T đến Móng Cái còn sang Trung quốc là do người khác đưa biên, bị cáo không có mục đích lợi nhuận gì trong việc đưa chị T sang Trung Quốc. HĐXX thấy việc bị cáo rủ rê chị T sang Trung Quốc là có căn cứ trên cơ sở lời khai của bị cáo, lời khai của chị T, của anh Đ và phù hợp với diễn biến quá trình đi Trung Quốc cùng

các tài liệu đã thu thập được. Bị cáo là người chủ động lên kế hoạch, lịch trình đi sang Trung quốc, là người liên hệ để đưa bị cáo và chị T sang Trung Quốc. Mọi chi phí đi lại, ăn ở, sinh hoạt của chị T tại Việt Nam và ở Trung Quốc đều do bị cáo là người đứng ra lo liệu. Việc đưa người khác trốn đi nước ngoài không cần phải có mục đích lợi nhuận cũng đã cấu thành tội phạm. Tuy nhiên quá trình đưa chị T đi Trung Quốc cũng đã thể hiện bị cáo cầm 3.000.000 đồng của chị T và sau đó đối tượng V béo đưa cho bị cáo 2000 nhân dân tệ (tương đương khoảng 6.000.000 đồng tiền Việt Nam). Trong khi bị cáo khai chi phí đi Trung Quốc khoảng từ 4 đến 6 triệu đồng/1 người tùy vào thời điểm đi. Từ những nội dung trên HĐXX thấy: Hành vi của bị cáo Kha Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*", Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1, Điều 275 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo về trách nhiệm dân sự thấy: Sau khi chị T liên hệ với anh Đ tìm cách cứu về nước thì anh Đ có liên hệ với bị cáo để giúp. Quá trình điều tra bị cáo thừa nhận đã nhận của anh Đ tổng số tiền là 29.000.000 đồng để tìm cách đưa chị T về nước nhưng không đưa được. Anh Đ thừa nhận đã lấy lại 2.000.000 đồng của bị cáo. Như vậy, số tiền bị cáo cầm của anh Đ là 27.000.000 đồng, Tòa án sơ thẩm đã xem xét buộc bị cáo phải bồi thường trả lại cho anh Đ, chị T số tiền này là hoàn toàn chính xác.

Do đó HĐXX phúc thẩm căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 248-Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

[5] Về vấn đề khác: Án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi quá trình điều tra thể hiện bị cáo có thai ở thời điểm thực hiện hành vi phạm tội nhưng không xem xét đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm 1, khoản 1, Điều 46-BLHS. Bị cáo có thành khẩn khai báo hành vi của mình nhưng không thể hiện sự ăn năn hối cải nhưng án sơ thẩm vẫn nhận định bị cáo “ăn năn hối cải” là chưa chính xác. Bị cáo chỉ được hưởng tình tiết “thành khẩn khai báo” tại điểm p, khoản 1, Điều 46- BLHS. Ngoài ra cần rút kinh nghiệm trong việc không tuyên người phải thi hành án có nghĩa vụ phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2, Điều 468- BLDS năm 2015.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 99- Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Kha Thị M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 248-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kha Thị M. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Kha Thị M phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 275; điểm l, điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33- Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 27/6/2016 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7; khoản 1, Điều 349- Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Kha Thị M 01(một) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42- Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 586- Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Kha Thị M phải hoàn trả cho anh Hoàng Văn Đ, chị Hà Thị T số tiền là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 99- Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Kha Thị M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng